

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2019/HS-ST

Ngày 12 tháng 3 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH V**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các Hội thẩm Nhân dân: - Ông Sái Văn Trọng và ông Vũ Gia Đình.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn- Thư ký Toà án Nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Lương- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh ngày 10/12/1972 tại V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị T; vợ là Đỗ Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/11/2018 cho đến nay (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Phan Văn P, sinh năm 1988; trú tại Thôn Q, xã H, huyện T, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 22/11/2018, tại khu vực đường N, thuộc phường L, thành phố V, tỉnh V, Tổ công tác Công an thành phố V phát hiện và bắt quả tang Phạm Ngọc H có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phan Văn P.

Tang vật thu giữ gồm có: Thu giữ của Phan Văn P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã cũ; thu giữ tại túi quần bên trái đang mặc của Phạm Ngọc H số tiền 200.000 đồng, H khai là tiền vừa bán ma túy cho P mà có; thu giữ trên mặt đất cạnh vị trí H đứng 01 gói giấy nhỏ, bên trong chứa chất cục bột màu trắng, H khai là ma túy Heroine H đem bán cho P nhưng chưa kịp bán thì bị Công an phát hiện, do hoảng sợ nên H làm rơi gói ma túy xuống đất, vật chứng được niêm phong có ký hiệu A1; thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã cũ và 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 20L3- 7256.

Tại kết luận giám định số: 1752/KL-GĐ ngày 26/11/2018, P Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: *Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroine. Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,0587g. Khối lượng Heroine trong 0,0587 gam mẫu là 0,0236g.*

Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ, Phạm Ngọc H khai nhận: Sáng ngày 22/11/2018, trên đường từ nhà ở xã Đ, huyện L đến nơi làm việc ở xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường, H có gặp một người bạn nghiện mới quen ngoài xã hội (H không biết tên, tuổi, địa chỉ), người này sau đó đã cho H 01 gói ma túy Heroine để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì nhận được điện thoại của Phan Văn P hỏi mua ma túy, H đã đồng ý bán gói ma túy này cho P để kiếm lời nhưng chưa kịp bán thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSTPVY-VP ngày 20/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc H vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 18, 19 và từ bút lục 55- 66).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết T nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói ma túy sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng đã thu giữ của Phạm Ngọc Hoà; tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng đã thu giữ của Phạm Ngọc H và Phan Văn P; xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho ông Phạm Văn T 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 20L3-7256 là hợp pháp.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 10 giờ 10 phút ngày 22/11/2018, tại khu vực đường N, thuộc phường L, thành phố V, tỉnh V, bị cáo Phạm Ngọc H đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho đối tượng nghiện là Phan Văn P để lấy số tiền 200.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ là 01 gói giấy nhỏ, bên trong chứa chất cục bột màu trắng được giám định là ma túy có khối lượng 0,0587g, loại Heroine.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 02 đến 07 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người; gây ra một lớp người nghiện trong xã hội làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và ngăn ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết T nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 07 năm tù nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ là thu lợi bất chính, hiện tại trên địa bàn thành phố V các tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Do đó, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt có xem xét đến các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” để giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn

định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Đối với người có liên quan trong vụ án Phan Văn P. Quá trình điều tra xác định mục đích của P là mua ma túy để sử dụng, nhưng P chưa nhận được ma túy của H thì bị bắt nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý P về hành vi tàng trữ ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với bao gói ma túy hoàn lại sau giám định không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã thu giữ của H và P, xác định đó là phương tiện để bị cáo và người liên quan liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 200.000đ đã thu giữ của bị cáo H cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 20L3 - 7256, quá trình điều tra xác định đó là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn T nên Cơ quan đã trả lại cho chủ sở hữu, nay anh T không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/11/2018).

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy toàn bộ bao gói ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc H và người có liên quan Phan Văn P; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ đã thu giữ của bị cáo Phạm Ngọc H (Đặc điểm tang vật như Biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/02/2019).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo

Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh V;
- Viện kiểm sát tỉnh V;
- Viện kiểm sát thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA V;
- Chi cục thi hành án V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Sái Văn Trọng

Vũ Thị Kim Dung

Đỗ Thế Bình

